TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/DS-ST
Ngày: 06-5-2019
V/v tranh chấp về Hợp đồng dân sự mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hồng Quân.

2. Ông Nguyễn Bạch Linh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2018/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp về Hợp đồng dân sự mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/QĐST-DS ngày 10/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968; Là Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị S; địa chỉ: Số 727, ấp VBA, xã VT, huyện LV, Đồng Tháp. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 315A, ấp HMĐ, xã LHA, huyện LV, Đồng Tháp. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, tờ tường trình và tại phiên tòa bà S trình bày: Từ ngày 01/7/2017 bà S có bán bia, nước giải khát cho bà M, bà M không có đăng ký kinh doanh, không có cửa hàng mua bán nước giải khát mà bà M chỉ có quán bán thức ăn nhỏ, hiện nay đã nghỉ bán, bà M mua bia và nước giải khát chủ yếu là bia để bán cho đám cưới lấy tiền lời. Sau khi lấy hàng của bà S, bà M giao cho đám cưới, sau đám người ta trả tiền thì bà M trả cho bà S, phần tiền lời do bán giá cao hơn thì bà M lấy. Sau khi quyết toán thì bà M còn nợ bà S là 754.325.000 đồng, có làm biên nhận ngày 28/7/2017, sau đó trả được 25.000.000 đồng. Nay bà S yêu cầu bà

M trả cho bà S số tiền 729.325.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày viết giấy nợ 28/7/2017 đến nay theo mức lãi suất 0,75%/tháng là 114.870.000 đồng. Tổng cộng là 844.195.000 đồng.

- Tại bảng trình bày ý kiến ngày 20/12/2018 và đơn xin hoãn phiên tòa bà M trình bày: Thừa nhận còn nợ bà S số tiền bia là 729.325.000 đồng trên, tuy nhiên, không đồng ý trả lãi vì đang gặp khó khăn về kinh tế. Bà M xin hoãn lại một năm để đi làm kiếm tiền về trả nợ cho bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà M đang cư trú tại ấp HH, xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LV, quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà S yêu cầu bà M trả cho bà S số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán bia, nước giải khát số tiền 729.325.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày viết giấy nợ 28/7/2017 đến nay theo mức lãi suất 0,75%/tháng là 114.870.000 đồng. Tổng cộng là 844.195.000 đồng.

Chứng cứ chứng M cho yêu cầu của bà S là Giấy nợ ngày 28/7/2017, có chữ ký của bà M, trong đó có nội dung bà M thống nhất còn nợ bà S và hứa sẽ trả.

Đồng thời, tại bảng trình bày ý kiến ngày 20/12/2018, bà M cũng thừa nhận còn nợ bà S 729.325.000 đồng.

Từ những chứng cứ trên, xét thấy, việc bà M còn nợ tiền của bà S là có thật.

Tại Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“Điều 430. Hợp đồng mua bán tài sản

Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán.

Hợp đồng mua bán nhà ở, mua bán nhà để sử dụng vào mục đích khác được thực hiện theo quy định của Bộ luật này, Luật nhà ở và luật khác có liên quan.”

“Điều 440. Nghĩa vụ trả tiền

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.”

“Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

“Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Từ nhận định và điều luật viện dẫn trên, xét thấy yêu cầu của bà S yêu cầu bà M trả số tiền 729.325.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày viết giấy nợ 28/7/2017 đến nay theo mức lãi suất 0,75%/tháng là 114.870.000 đồng. Tổng cộng là 844.195.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà M bị buộc nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị S.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán bia, nước giải khát là 729.325.000 đồng (Bảy trăm hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi 114.870.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 844.195.000 đồng (Tám trăm bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải nộp 37.325.900 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm đồng) án phí sơ thẩm dân sự.

Bà Nguyễn Thị S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.165.000 đồng (Mười tám triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003423 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

4. Án xử công khai có mặt bà S, vắng mặt bà M. Bà S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Kiều Tiên